

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

-----***-----



BÀI THUYẾT TRÌNH MÔN: AN SINH XÃ HỘI

ĐỀ BÀI: *Nêu những nghiệp vụ bảo hiểm thương mại chủ yếu và các doanh nghiệp bảo hiểm thương mại hoạt động ở Việt Nam hiện nay.*

Các Thành Viên Thực hiện:

1. Nguyễn Lộc Quý Dương
2. Trần Thị Hằng Nga
3. Cao Hồng Minh
4. Vũ Thị Thanh Vân
5. Trần Hà Trang
6. Chu Lê Lâm
7. Trần Thảo Phương
8. Nguyễn Thu Nga
9. Nguyễn Phương Thúy
10. Đinh Thị Minh Ngọc

Hà Nội ngày 26 tháng 12 năm 2011

NỘI DUNG BÀI THUYẾT TRÌNH

I. Tổng quan về BHTM

1. Khái niệm BHTM.
2. Đặc điểm BHTM.
3. Phân loại BHTM.
4. Vai trò của BHTM trong hệ thống ASXH.
5. BHTM trong cơ chế quản lí rủi ro của xã hội.

II. Những nghiệp vụ BHTM chủ yếu và thực trạng ở Việt Nam

A. Những nghiệp vụ BHTM chủ yếu

1. Bảo hiểm hỏa hoạn.
2. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.
3. Bảo hiểm trách nhiệm của chủ sử dụng lao động đối với người lao động.
4. Bảo hiểm kết hợp con người và bảo hiểm toàn diện học sinh.
5. Bảo hiểm nhân thọ.

B. Những nghiệp vụ BHTM chủ yếu ở Việt Nam

1. Bảo hiểm nhân thọ
2. Bảo hiểm phi nhân thọ

III. Những doanh nghiệp BHTM hoạt động ở Việt Nam hiện nay.

I. Tổng quan về BHTM.

1. Khái niệm BHTM.

Khái niệm : BHTM là sự san sẻ rủi ro trên cơ sở quy luật số lớn của các cá nhân và tổ chức trong xã hội thông qua hoạt động của các nhà bảo hiểm.

Các biện pháp đối phó với nguy cơ rủi ro.

Trên quan điểm quản lí rủi ro có 3 biện pháp để đối phó với các nguy cơ rủi ro có thể xảy ra gây thiệt hại cho con người là:

- Nhóm các biện pháp kiểm soát rủi ro: gồm các biện pháp tránh né rủi ro, ngăn ngừa tổn thất và giảm thiểu tổn thất.

- Nhóm các biện pháp tài trợ rủi ro: gồm các biện pháp nhằm khắc phục những khó khăn về mặt tài chính do rủi ro bất ngờ gây ra như đi vay, tích lũy để dành, tương trợ nhau và bảo hiểm.

- Nhóm các biện pháp phân tán rủi ro: là biện pháp kiểm soát rủi ro nhằm giảm thiểu rủi ro gây ra. Bảo hiểm được xếp vào nhóm phân tán rủi ro vì khi mua bảo hiểm tức là người mua bảo hiểm đã phân tán rủi ro của mình với những người mua bảo hiểm khác.

2. Đặc điểm BHTM.

- BHTM là sự chuyển giao rủi ro của người mua bảo hiểm cho công ty bảo hiểm dựa trên cơ chế công ty bảo hiểm bồi thường thiệt hại tài chính cho người mua bảo hiểm khi gặp rủi ro đã được chấp nhận bảo hiểm, còn người mua bảo hiểm. Bảo hiểm thương mại hoạt động theo cơ chế kinh doanh.

- BHTM là một loại hàng hóa được mua bán trên thị trường: người mua bảo hiểm phải trả phí bảo hiểm cho công ty bảo hiểm nhưng nếu gặp rủi ro sẽ nhận được số tiền bồi thường lớn hơn so với phí bảo hiểm bỏ ra. Vì BHTM hoạt động dựa trên nguyên tắc “số đông trừ số ít”.

- BHTM có mục đích là khắc phục những khó khăn về tài chính do rủi ro gây ra cho con người và hoạt động trên nguyên tắc “số đông bù số ít”, có tính chất chia sẻ rủi ro giữa các thành viên trong xã hội.

3. Phân loại BHTM.

- Căn cứ vào tính pháp lí: BHTM chia làm 2 loại

- + Bảo hiểm bắt buộc: Đối tượng cần được mua bảo hiểm không chỉ cần thiết cho số ít người mà là yêu cầu của toàn xã hội.

Ví dụ: Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe gắn máy, bảo hiểm trách nhiệm chủ sử dụng lao động.

+ Bảo hiểm tự nguyện: áp dụng với tất cả các đối tượng bảo hiểm không thuộc loại bắt buộc. Hình thức bảo hiểm dựa trên cơ sở thỏa thuận giữa người bảo hiểm và người tham gia bảo hiểm, được cụ thể hóa bằng hợp đồng bảo hiểm.

- Căn cứ vào đối tượng bảo hiểm: BHTM chia làm 3 loại

+ Bảo hiểm tài sản: đối tượng bảo hiểm là tài sản, vật chất.

+ Bảo hiểm con người: đối tượng bảo hiểm là tính mạng, tình trạng sức khỏe và khả năng lao động của con người. Trong bảo hiểm con người chia thành: bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm con người phi nhân thọ.

+ Bảo hiểm trách nhiệm dân sự: Đối tượng bảo hiểm là phần nghĩa vụ hay trách nhiệm dân sự của người tham gia bảo hiểm.

- Căn cứ vào lịch sử ra đời của nghiệp vụ bảo hiểm: Các công ty bảo hiểm có thể phân loại BHTM thành những nghiệp vụ thương mại riêng biệt để quản lí.

4. Vai trò của BHTM trong hệ thống an sinh xã hội.

- BHTM được coi như hình thức tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau của các thành viên trong xã hội nhằm khắc phục những khó khăn về tài chính do rủi ro gây ra, đặc biệt là những rủi ro gây tổn thất lớn.

- BHTM góp phần tạo sự ổn định chung của toàn xã hội trước những rủi ro bất thường của cuộc sống.

- Một số loại hình thức BHTM được pháp luật quy định bắt buộc, mang tính cộng đồng cao. Một số loại BHTM bắt buộc thường bao gồm: Bảo hiểm trách nhiệm dân sự (như bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ các phương tiện giao thông vận tải, bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ sử dụng lao động...), bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm tại nạn hành khách,

- Các loại hình bảo hiểm con người trong BHTM có ý nghĩa to lớn trong việc đảm bảo sự “an toàn” cho các thành viên xã hội trước những nguy cơ rủi ro đe dọa đến tính mạng hoặc sức khỏe.

- Tính chất ASXH chia sẻ rủi ro của BHTM không chỉ bó hẹp trong phạm vi một quốc gia mà còn là giữa các nước với nhau thông qua hoạt động tái bảo hiểm.

- Xét trên khía cạnh nhất định BHTM được coi là sự xã hội hóa đối với vấn đề quản lý rủi ro, nhằm bù đắp các thiệt hại tài chính do rủi ro gây ra cho con người, giảm được gánh nặng cho ngân sách nhà nước mà vẫn đảm bảo ASXH.

- BHTM góp phần hạn chế và giảm thiểu rủi ro xã hội.

5. BHTM trong cơ chế quản lý rủi ro của xã hội.

Đứng trên giác độ quản lý vĩ mô, BHTM là một phần trong cơ chế quản lý rủi ro của xã hội góp phần đảm bảo ASXH trước những rủi ro của cuộc sống.

- Thông qua việc bồi thường tài chính cho người mua bảo hiểm khi gặp rủi ro, BHTM giúp họ góp phần ổn định cuộc sống, ổn định kinh doanh, và rộng hơn là ổn định xã hội nói chung.

- Thông thường chi phí cho BHTM cao hơn BHXH (hay được hưởng không từ cứu trợ xã hội), nhưng xu hướng ngày càng đông người tham gia BHTM rủi ro được chia sẻ cho nhiều người chi phí cho bảo hiểm sẽ giảm xuống và tạo điều kiện cho nhiều người tham gia có thể tham gia. Đây là cơ chế để các thành viên trong xã hội tự ứng phó với các rủi ro bất thường trong cuộc sống với chi phí thấp mà không cần tới sự hỗ trợ từ nhà nước.

II. Các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại chủ yếu.

A. Các nghiệp vụ thương mại chủ yếu.

Hiện nay, BHTM cung cấp trên thị trường rất nhiều loại nghiệp vụ bảo hiểm khác nhau để đáp ứng nhu cầu của các cá nhân tổ chức trong xã hội. Trong đó một số nghiệp vụ BHTM quan trọng được kể đến như: bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm của chủ sử dụng lao động đối với người lao động, bảo hiểm kết hợp con người và bảo hiểm toàn diện học sinh và bảo hiểm nhân thọ.

1. Bảo hiểm hỏa hoạn

- Định nghĩa: Bảo hiểm hỏa hoạn là loại hình nghiệp vụ bảo hiểm những thiệt hại do cháy và các rủi ro tương tự khác hay các rủi ro đặc biệt như: bão lụt, động đất, núi lửa, sét đánh... gây ra cho các đối tượng bảo hiểm.

- Phạm vi bảo hiểm:

Nhóm các rủi ro chính: cháy, sét, và nổ.

Nhóm các rủi ro đặc biệt: động đất, núi lửa, bão lụt, ...

Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh sau cháy nhằm bồi thường thiệt hại gián tiếp do trì trệ kinh doanh.

- Đối tượng:

Bất động sản: nhà cửa, công trình xây dựng, xí nghiệp, nhà máy, kho tàng,... thuộc loại sản xuất kinh doanh hoặc công trình xây dựng.

Các động sản: tài sản liên quan đến người được bảo hiểm.

Tài sản cho sự hoạt động của doanh nghiệp.

Hàng hóa.

- Ý nghĩa: Bảo hiểm hỏa hoạn có vai trò ý nghĩa to lớn đối với cá nhân, doanh nghiệp và xã hội:

Góp phần khắc phục tổn thất, ổn định cuộc sống sinh hoạt và sản xuất cho con người. Đối với các hộ gia đình, họ sẽ gặp rất nhiều khó khăn nếu không có bảo hiểm. Đối với doanh nghiệp, khi có hỏa hoạn, không chỉ có thiệt hại về tài sản mà còn làm gián đoạn kinh doanh, có thể dẫn đến phá sản. Nhờ bảo hiểm đền bù thiệt hại, các công ty nhanh chóng xây dựng lại được cơ sở vật chất và tiếp tục kinh doanh.

Bảo hiểm còn góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền, thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy nhờ vào việc tổ chức tập huấn phòng cháy chữa cháy, hỗ trợ khách hàng trang bị phòng cháy chữa cháy, đóng góp kinh phí hoạt động phòng cháy chữa cháy của Nhà nước...

Ở Việt Nam, bảo hiểm hỏa hoạn bắt đầu được thực hiện từ năm 1989 sau khi có Quyết định số 06/TCQĐ ngày 17-01-1989 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy tắc về bảo hiểm hỏa hoạn. Đến nay, do sự tối ưu của bảo hiểm hỏa hoạn, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08-11-2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc. Tuy nhiên, đến cuối năm 2009, trong số hơn 30.000 cơ sở thuộc diện quy định, chỉ có hơn 15% tham gia mua bảo hiểm bắt buộc. Nếu tính cả những trường hợp mua bảo hiểm tự nguyện, tỉ lệ này cũng chỉ vào khoảng 42%. Sau vụ cháy chung cư tòa nhà 18 tầng tại Hà Nội vừa qua, nhiều người mới “giật mình” khi biết hầu hết các chung cư hiện nay không mua bảo hiểm cháy nổ cho dù đây là quy định bắt buộc.

Trong 6 tháng đầu năm 2006, doanh thu phí bảo hiểm từ nghiệp vụ cháy của toàn thị trường đạt khoảng 360 tỷ đồng, tăng trưởng tương đối ổn định, đạt 20% so với cùng kỳ năm trước. Theo nhận xét của ông Đào Mạnh Dương, Phó phòng tái bảo hiểm phi hàng hải, Tổng

Công ty Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE), mặc dù các tổn thất về bảo hiểm cháy trên thị trường có xu hướng giảm song nguy cơ xảy ra các vụ cháy lớn là luôn luôn tiềm ẩn.

Việc ra đời nghị định mới này sẽ là một tín hiệu khả quan cho sự phát triển của thị trường bảo hiểm cháy Việt Nam, là cơ hội làm tăng doanh thu cho các DN bảo hiểm trong thời gian tới. Tuy nhiên, vấn đề còn lại là phải có chế tài phù hợp để những biểu phí hoặc Nghị định mới được triệt để áp dụng.

Theo quy định tại Nghị định mới, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ phải mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc tại các DN bảo hiểm được phép kinh doanh bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, các cơ quan, tổ chức và cá nhân không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định này cũng được Nhà nước khuyến khích mua bảo hiểm cháy, nổ trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Đối với những trường hợp phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc có đặc thù riêng là nhà ở tập thể, nhà chung cư sẽ có hướng dẫn cụ thể. Đồng thời, căn cứ vào tình hình thực tế, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung hoặc loại bỏ khỏi danh mục có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ phải tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định này.

Tài sản phải tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc bao gồm: nhà, công trình kiến trúc và các trang thiết bị kèm theo; máy móc thiết bị; các loại hàng hoá, vật tư, tài sản khác mà giá trị của nó tính được thành tiền. Số tiền bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc tối thiểu là giá trị tính thành tiền của theo giá thị trường của tài sản phải tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc tại thời điểm tham gia bảo hiểm. Trường hợp không xác định được giá trị thường của tài sản thì số tiền bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc do các bên thoả thuận.

Cũng trong Nghị định mới này, hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc được quy định rõ các nội dung chính. Hợp đồng này là sự thoả thuận giữa bên mua bảo hiểm và DN bảo hiểm, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, DN bảo hiểm phải bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện cháy, nổ.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định rõ 15 nguyên nhân cụ thể mà DN bảo hiểm không có nghĩa vụ bồi thường nếu thiệt hại. Đó là động đất, núi lửa phun hay những biến động khác của thiên nhiên; tài sản tự lên men hoặc tự toả nhiệt; tài sản chịu tác động của một quá trình xử lý có dùng nhiệt; sét đánh trực tiếp vào tài sản được bảo hiểm nhưng không gây cháy, nổ;

nguyên liệu vũ khí hạt nhân gây cháy, nổ; thiệt hại xảy ra đối với máy móc, thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào, kể cả do sét đánh; hoặc những thiệt hại do hành động cố ý gây cháy, nổ của người được bảo hiểm nhằm mục đích đòi bồi thường thiệt hại theo hợp đồng bảo hiểm; những thiệt hại cố ý vi phạm các quy định về phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ; hàng hoá nhận uỷ thác hay ký gửi trừ khi những hàng hoá đó được xác nhận trong giấy chứng nhận bảo hiểm là được bảo hiểm và người được bảo hiểm trả thêm phí bảo hiểm theo quy định; tiền, kim loại quý, đá quý, chứng khoán, thư bảo lãnh, tài liệu, bản thảo, sổ sách kinh doanh, tài liệu lưu trữ trong máy tính điện tử, bản mẫu, văn bằng, khuôn mẫu, bản vẽ, tài liệu thiết kế, trừ khi những hạng mục này được xác nhận trong giấy chứng nhận bảo hiểm. Riêng với chất nổ sẽ được bảo hiểm trừ khi được xác nhận là được bảo hiểm trong giấy chứng nhận bảo hiểm.

Những tài sản mà vào thời điểm xảy ra tổn thất, được bảo hiểm theo đơn bảo hiểm hàng hải hoặc thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo đơn bảo hiểm hàng hải, trừ phần thiệt hại vượt quá trách nhiệm bồi thường theo đơn bảo hiểm hàng hải. Những thiệt hại do cháy, nổ gây ra cho bên thứ ba. Những thiệt hại đối với dữ liệu, phần mềm và các chương trình máy tính. Những thiệt hại do những biến cố về chính trị, an ninh và trật tự an toàn xã hội gây ra. Những trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật hoặc do các bên thoả thuận.

Đối với những trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nêu trên, nếu bên mua bảo hiểm có nhu cầu bảo hiểm và DN bảo hiểm chấp nhận bảo hiểm thì các bên vẫn có thể giao kết hợp đồng bảo hiểm bổ sung cho những sự kiện đó.

Khi có thiệt hại do cháy, nổ xảy ra, DN bảo hiểm và bên mua bảo hiểm cung phối hợp xác định thiệt hại. Trường hợp DN bảo hiểm và bên mua bảo hiểm không thống nhất được giá trị thiệt hại thì một trong hai bên hoặc cả hai bên có quyền mời cơ quan, tổ chức có chức năng đánh giá tài sản, thẩm định thiệt hại.

2. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba

- Định nghĩa: Bảo hiểm trách nhiệm dân sự là loại hình nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới để hạn chế những thiệt hại do tai nạn giao thông để lại. Trong đó có bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba (được quy định bắt buộc tại Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, quy định 23/2003/QĐ-BTC ngày 25/02/2003)

- Đối tượng: phần trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với người thứ ba hay là nghĩa vụ bồi thường ngoài hợp đồng của chủ xe cho người thứ 3 khi xe lưu hành gây tai nạn cho họ .

- Điều kiện phát sinh TNDS của chủ xe gồm:

+ Có thiệt hại thực tế của bên thứ 3;

+ Chủ xe (lái xe) có hành vi trái pháp luật;

+ Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại của bên thứ 3

- Phạm vi trách nhiệm của bảo hiểm đối với thiệt hại của bên thứ 3:

+ Thiệt hại về tính mạng và sức khỏe;

+ Thiệt hại về tài sản và hàng hóa;

+ Thiệt hại về kinh doanh hay giảm thu nhập.

Ngoài ra, bảo hiểm cũng chịu trách nhiệm với những chi phí cần thiết hợp lý để ngăn ngừa hạn chế tổn thất xảy ra thêm và chi phí ra tòa (nếu có).

- Mức bồi thường: Bảo hiểm TNDS của chủ xe cơ giới là nghiệp vụ bảo hiểm có giới hạn. Mức bồi thường không vượt quá số tiền bảo hiểm. Hiện nay ở nước ta giới hạn trách nhiệm thấp nhất của chủ xe cơ giới phải mua là: 30 triệu /vụ đối với thiệt hại về tài sản, 30 triệu/người/vụ đối với thiệt hại về con người.

- Ý nghĩa: Sự ra đời của nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới có ý nghĩa to lớn đối với chủ xe, người thứ 3 và toàn xã hội:

+ Đối với chủ xe: ổn định tài chính cho họ. Tránh ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như giảm bớt căng thẳng giữa chủ xe và người bị nạn.

+ Đối với người thứ 3: đảm bảo quyền lợi chính đáng khi họ gặp tai nạn. Họ được bồi thường đầy đủ, kịp thời và sớm ổn định cuộc sống.

+ Đối với xã hội: Góp phần giữ gìn trật tự và an toàn giao thông thông qua việc các công ty bảo hiểm nhanh chóng khắc phục hậu quả các vụ tai nạn, thực hiện các biện pháp để phòng hạn chế tổn thất.

Ngày 16/09/2008, Chính phủ ban hành Nghị Định số 103/2008/NĐ-CP bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới nhằm hạn chế những thiệt hại do tai nạn giao thông để lại

Người điều khiển mô tô phải đóng bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự (TNDS) theo quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm do Bộ Tài Chính quy định với mức xử phạt có thể lên tới 70 triệu đồng đối với doanh nghiệp và 500.000 đồng với chủ xe cơ giới

a. Quỹ bảo hiểm xe cơ giới do các doanh nghiệp bảo hiểm đóng để sử dụng cho các mục đích sau:

- Công tác đề phòng hạn chế tổn thất, tai nạn giao thông đường bộ;
- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông đường bộ và chế độ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới;
- Hỗ trợ nhân đạo cho những thiệt hại xảy ra đối với người thứ ba và hành khách chuyên chở trên xe do xe cơ giới gây ra trong những trường hợp không xác định được xe gây tai nạn hoặc xe không tham gia bảo hiểm;
- Hỗ trợ chi phí mai táng trong các trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại Điều 13 Nghị định này;
- Hỗ trợ khen thưởng thành tích cho lực lượng công an trong công tác kiểm soát phát hiện và xử lý vi phạm hành chính các chủ xe cơ giới trong việc thực hiện bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới;
- Hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới;
- Hỗ trợ các mục đích khác để phối hợp, chỉ đạo thực hiện bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

Trong đó “Bên thứ ba” là người bị thiệt hại về thân thể, tính mạng, tài sản do xe cơ giới gây ra, trừ những người sau:

- Lái xe, phụ xe trên chính chiếc xe đó;
- Người trên xe và hành khách trên chính chiếc xe đó;
- Chủ sở hữu xe trừ trường hợp chủ sở hữu đã giao cho tổ chức, cá nhân khác chiếm hữu, sử dụng chiếc xe đó.

b. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm trích tối thiểu 2% doanh thu phí bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới hàng năm để đóng vào Quỹ bảo hiểm xe cơ giới.

c. Nguyên tắc tham gia bảo hiểm

1. Chủ xe cơ giới phải tham gia bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới theo quy định tại Nghị định này và Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới do Bộ Tài chính quy định.

2. Chủ xe cơ giới không được đồng thời tham gia hai hợp đồng bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự trở lên cho cùng một xe cơ giới.

3. Ngoài việc tham gia hợp đồng bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, chủ xe cơ giới có thể thỏa thuận với doanh nghiệp bảo hiểm để tham gia hợp đồng bảo hiểm tự nguyện.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm được quyền chủ động bán bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới dưới các hình thức sau:

- Trực tiếp;
- Thông qua đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm;
- Thông qua đấu thầu;
- Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp bán bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới thông qua đại lý bảo hiểm thì đại lý bảo hiểm phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định khác của pháp luật liên quan.

Doanh nghiệp bảo hiểm không được sử dụng đại lý bán bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới của doanh nghiệp bảo hiểm khác trừ trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm đó chấp thuận bằng văn bản.

Hạn chế trong hệ thống kinh doanh bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới tại Việt Nam dễ tạo ra hành vi trục lợi bảo hiểm về trách nhiệm của chủ xe đối với tài sản

Do hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện thông qua hệ thống các đại lý. Trong khi đó các đại lý này không được trang bị đầy đủ các kỹ năng bán hàng bảo hiểm. Bên cạnh đó, sự ràng buộc giữa các đại lý bảo hiểm và Công ty bảo hiểm chủ yếu dựa trên các Hợp đồng đại lý. Do vậy, mối quan hệ ràng buộc giữa công ty bảo hiểm và các đại lý này không chặt chẽ. Về phía đại lý, vì mục tiêu lợi nhuận sẵn sàng câu kết với khách hàng để trục lợi bảo hiểm.

Để hạn chế hành vi trục lợi bảo hiểm này, việc bán bảo hiểm cho xe cơ giới cần tuân theo một quy trình nghiêm ngặt trong việc bán bảo hiểm. Tăng cường công tác đào tạo để nâng cao

ng nghiệp vụ bán bảo hiểm, nghiệp vụ giám định, bồi thường cho các đại lý bảo hiểm, các cán bộ giám định và giải quyết bồi thường.

- Có thái độ kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của phía chủ xe, cơ quan công an và những người có liên quan tiếp tay cho hành vi trục lợi bảo hiểm của chủ xe và lái xe.

Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành các quy trình bán hàng, giám định, giải quyết bồi thường và xác minh hồ sơ bồi thường trong trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ trục lợi bảo hiểm.

3. Bảo hiểm trách nhiệm của chủ sử dụng lao động với người lao động

Mỗi doanh nghiệp, với tư cách là một thành viên của xã hội, phải chịu trách nhiệm trước cộng đồng về hoạt động kinh doanh của mình, trong đó có trách nhiệm đối với những người lao động mà họ thuê mướn và sử dụng. Do đó :

- Định nghĩa: Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động là trách nhiệm phải tạo ra môi trường lao động an toàn và phải bồi thường thiệt hại cho người lao động khi để xảy ra TNLD & BNN.

- Đối tượng: là phần trách nhiệm dân sự của chủ sử dụng lao động khi có tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp xảy ra với người lao động khiến người đó bị chết hoặc bị thương tật dẫn đến giảm khả năng lao động tạm thời hay vĩnh viễn.

- Điều kiện phát sinh trách nhiệm của người sử dụng lao động với người lao động phát sinh :

- + Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp xảy ra do chủ sử dụng lao động có lỗi bất cẩn;
- + Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp xảy ra do chủ sử dụng lao động vi phạm các quy định pháp luật về an toàn lao động.
- + Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp xảy ra do phát sinh trách nhiệm thay thế đối với chủ sử dụng lao động.

- Mức bồi thường: Trách nhiệm bồi thường của bảo hiểm dựa trên phán quyết của tòa án trên cơ sở mức độ thương tật, thiệt hại của người lao động và mức độ lỗi của chủ sử dụng lao động. Trong mọi trường hợp số tiền bồi thường không vượt quá giới hạn trách nhiệm đã được thỏa thuận trước giữa công ty bảo hiểm và chủ sử dụng lao động.

- Ý nghĩa: Cùng với bảo hiểm trách nhiệm của chủ sử dụng lao động đối với người lao động và chế độ BHXH trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã tạo thành một hệ thống kép nhằm bảo vệ cho người lao động và người sử dụng lao động. Mức trợ cấp của BHXH không cao, chỉ đảm bảo ở mức tối thiểu là không công bằng nếu tai nạn xảy ra do lỗi của chủ sử dụng lao động. Vì vậy, việc thực hiện cả bảo hiểm trách nhiệm trong trường hợp chủ sử dụng lao động có lỗi gây ra TNLĐ& BNN mới bảo vệ đầy đủ cho người lao động, đồng thời bảo vệ cả chủ sử dụng lao động tránh phát sinh những chi phí bồi thường trách nhiệm dân sự lớn và đột xuất.

Luật quy định lao động đóng 5% lương và người sử dụng lao động đóng 15% quỹ lương cho bảo hiểm xã hội bắt buộc, nhưng thực chất tất cả đều được hạch toán vào quỹ lương, là phần mà người chủ phải trả cho người làm thuê. Các chủ sử dụng thường không đóng khoản 15% quỹ lương, và hệ quả là chỉ 20% số lao động ngoài quốc doanh có đóng bảo hiểm xã hội và cũng không phải đóng toàn bộ.

Doanh nghiệp quốc doanh cũng né tránh bằng cách một là đóng cho số lượng người ít hơn, hai là đóng với số tiền ít hơn số tiền lương thực trả cho công nhân.

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

4. Bảo hiểm kết hợp con người và bảo hiểm toàn diện học sinh

Cả hai loại nghiệp vụ bảo hiểm này đều là bảo hiểm con người phi nhân thọ

a) Bảo hiểm kết hợp con người

- Định nghĩa: bảo hiểm kết hợp con người là sự kết hợp của 3 nghiệp vụ:

+ Bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ

+ Bảo hiểm sinh mạng cá nhân

+ Bảo hiểm trợ cấp nằm viện phẫu thuật

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

- Đối tượng: công dân Việt Nam, người nước ngoài đang công tác, học tập ở Việt Nam có độ tuổi từ 16 - 60, không bao gồm các đối tượng bị các bệnh về thần kinh, tâm thần, tàn phế hoặc thương tật vĩnh viễn trên 50%...

- Điều kiện: Công dân có thể lựa chọn tham gia 2 hoặc cả 3 điều kiện bảo hiểm:

Các điều kiện bảo hiểm:

Điều kiện bảo hiểm	Tỷ lệ theo nhóm tuổi
1. Điều kiện A : Chết do ốm đau, bệnh tật (không phải do tai nạn)	Trả toàn bộ số tiền bảo hiểm theo điều kiện A
2. Điều kiện B : - Chết do tai nạn - Thương tật thân thể do tai nạn	+ Trả toàn bộ số tiền bảo hiểm + Trả theo bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật
3. Điều kiện C : a. C1 - Trợ cấp phẫu thuật do ốm đau, bệnh tật, thai sản b. C2 - Trợ cấp nằm viện do ốm đau, bệnh tật, thai sản	+ Trả theo bảng tỷ lệ trả tiền phẫu thuật + 10 ngày đầu : 0,30% STBH/ngày + 20 ngày đầu : 0,20% STBH/ngày + 30 ngày đầu : 0,15% STBH/ngày

+ Số tiền bảo hiểm:

Điều kiện bảo hiểm B là từ 1.000.000 đến 20.000.000 đồng/người.

Điều kiện bảo hiểm A, C1,C2 là từ 1.000.000 đến 10.000.000 đồng/người.

+ Phí bảo hiểm:

Được tính bằng tỷ lệ % trên số tiền bảo hiểm. Phí bảo hiểm cho mỗi điều kiện phụ thuộc vào số tiền bảo hiểm và độ tuổi của người được bảo hiểm. Phí bảo hiểm được tính riêng theo độ tuổi bình quân của từng thành viên trong cơ quan, đơn vị.

+ Hiệu lực bảo hiểm: Bảo hiểm có hiệu lực sau thời gian chờ dưới đây kể từ ngày đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo quy định:

30 ngày đối với trường hợp ốm đau, bệnh tật.

90 ngày đối với trường hợp xảy thai cần thiết phải nạo thai theo chỉ định của bác sĩ, điều trị thai sản.

270 ngày đối với trường hợp sinh đẻ.

- Những loại trừ áp dụng cho Điều kiện bảo hiểm

+ Người được bảo hiểm nằm viện điều trị những bệnh suy nhược thần kinh, suy nhược cơ thể, thoái hoá cột sống, gai đôi cột sống. . . hoặc điều trị tại các viện điều dưỡng, an dưỡng.

+ Nằm viện để kiểm tra sức khoẻ hoặc khám giám định Y khoa mà không liên quan đến việc điều trị bệnh tật.

+ Điều trị hoặc phẫu thuật các bệnh bẩm sinh, những chỉ định phẫu thuật có từ trước ngày bắt đầu bảo hiểm.

+ Tạo hình thẩm mỹ, chỉnh hình, phục hồi chức năng, làm giả các bộ phận của cơ thể.

+ Thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá sinh đẻ.

+ Những bệnh đặc biệt và bệnh có sẵn trong năm đầu tiên được bảo hiểm.

+ Người được bảo hiểm mắc các bệnh giang mai, lậu, HIV/AIDS, sốt rét, lao và bệnh nghề nghiệp.

- Ý nghĩa: đối tượng của loại BH này là người nằm trong độ tuổi lao động là lực lượng lao động chính của xã hội và là những trụ cột chính của gia đình vì thế loại BH này có ý nghĩa giúp các gia đình ổn định tài chính, có điều kiện trang trải các chi phí khám chữa bệnh, phẫu thuật.

b) Bảo hiểm toàn diện học sinh

- Đối tượng: Tất cả học sinh, sinh viên đang theo học tại các nhà trẻ, mẫu giáo, tiểu học, phổ thông cơ sở, phổ thông trung học, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.

- Điều kiện bảo hiểm:

Học sinh có thể lựa chọn tham gia 2 hoặc tất cả điều kiện bảo hiểm:

Điều kiện bảo hiểm	Phạm vi bảo hiểm	Diễn giải cụ thể
Điều kiện A	Rủi ro được bảo hiểm	Trường hợp chết do ốm đau, bệnh tật.
	Hiệu lực bảo hiểm	Sau 30 ngày kể từ ngày đóng phí bảo hiểm (thời gian chờ này

		không áp dụng cho hợp đồng tái tục).
	Quyền lợi được bảo hiểm	Trả toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên hợp đồng bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm.
Điều kiện B	Rủi ro được bảo hiểm	Trường hợp chết hoặc thương tật thân thể do tai nạn.
	Hiệu lực bảo hiểm	Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực ngay sau khi người tham gia bảo hiểm hoàn thành thủ tục đóng phí theo quy định
	Quyền lợi bảo hiểm	<p>- Trường hợp chết do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm sẽ được trả toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên hợp đồng bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm.</p> <p>- Trường hợp thương tật thân thể do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm theo bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm ban hành kèm theo quyết định số 05/TCBH ngày 2/1/1993 của Bộ Tài chính.</p>
Điều kiện C	Rủi ro được bảo hiểm	Trợ cấp nằm viện, phẫu thuật do ốm đau, bệnh tật
	Hiệu lực bảo hiểm	Sau 30 ngày kể từ ngày đóng phí bảo hiểm đầy đủ (thời gian chờ này không áp dụng cho hợp đồng tái tục).
	Quyền lợi bảo hiểm	Trả tiền theo bảng tỷ lệ phẫu thuật ban hành kèm theo Quyết định số 2963/PHH2-97 ngày 23/12/97 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty bảo hiểm Việt Nam.
Điều kiện D	Rủi ro được bảo hiểm	Trợ cấp nằm viện do ốm đau, bệnh tật, thương tật thân thể do tai nạn
	Hiệu lực bảo hiểm	Sau 30 ngày đối với trường hợp ốm đau, bệnh tật (thời gian chờ này không áp dụng cho trường hợp tai nạn hoặc hợp đồng tái tục).

	Quyền lợi bảo hiểm	Trả trợ cấp nằm viện mỗi ngày 0,3% số tiền bảo hiểm, không quá 60 ngày/năm.
--	--------------------	---

- Loại trừ áp dụng chung cho các điều kiện
 - + Hành vi cố ý của người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng.
 - + Học sinh trung học cơ sở trở lên vi phạm nghiêm trọng pháp luật, nội quy, quy định của chính quyền địa phương hoặc các tổ chức xã hội, vi phạm nghiêm trọng luật lệ an toàn giao thông.
 - + Bị ảnh hưởng của rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác, bị nhiễm HIV, AIDS.
 - + Tham gia đánh nhau, trừ với mục đích tự vệ.
 - + Động đất, núi lửa, nhiễm phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, đình công.
 - + Loại trừ áp dụng riêng cho điều kiện C và D.
- Những điều kiện này không nhận bảo hiểm và không chi trả tiền bảo hiểm các trường hợp:
 - + Nằm viện để kiểm tra sức khỏe, khám giám định y khoa mà không liên quan đến việc điều trị bệnh tật, thương tật.
 - + Điều trị, phẫu thuật các bệnh tật bẩm sinh, những thương tật và chỉ định phẫu thuật trước khi bảo hiểm.
 - + Điều trị, phẫu thuật theo yêu cầu của người được bảo hiểm mà không liên quan đến việc điều trị và phẫu thuật bình thường do ngành y tế qui định.
 - + Tạo hình thẩm mỹ, chỉnh hình, phục hồi chức năng, làm giả và lắp các bộ phận của cơ thể.
 - + Những bệnh đặc biệt và bệnh có sẵn trong năm đầu tiên tham gia bảo hiểm.
- Ý nghĩa: Số lượng học sinh chiếm 20% dân số cả nước, đây là nguồn nhân lực trẻ của đất nước, BH này giúp gia đình các em có điều kiện trang trải các chi phí khám chữa bệnh, phẫu thuật, bảo vệ tính mạng, hạn chết thiệt thòi, bảo vệ tương lai các em trong trường hợp có rủi ro

đáng tiếc xảy ra. Vì vậy sự ra đời của nghiệp vụ BH toàn diện học sinh có ý nghĩa xã hội sâu sắc, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo ASXH.

5. Bảo hiểm nhân thọ

- Định nghĩa: Bảo hiểm nhân thọ là loại hình bảo hiểm con người nhằm bảo vệ cho những rủi ro, sự kiện liên quan đến tuổi thọ của con người.

BHNT được chia thành 3 loại:

+ BHNT trong trường hợp sống: người được bảo hiểm cam kết chi trả những khoản trợ cấp định kỳ trong 1 khoảng thời gian xác định hoặc trong suốt cuộc đời được bảo hiểm. Việc chi trả trợ cấp sẽ chấm dứt khi hết thời hạn hợp đồng hoặc người được bảo hiểm chết. Số tiền chi trả của BH sẽ đảm bảo thu nhập cố định cho người già khi không còn lao động nữa.

Gồm 2 loại: BH sinh kỳ thuần túy và BH niên kim.

+ BHNT trong trường hợp chết: loại bảo hiểm này có cơ sở và nguyên tắc ngược lại với BHNT trong trường hợp sống, việc chi trả của BH chỉ thực hiện khi người được bảo hiểm chết trong thời hạn hợp đồng bảo hiểm. Nếu người được bảo hiểm sống hết thời hạn hợp đồng, họ sẽ không nhận được bất kì khoản tiền nào từ người bảo hiểm.

Gồm 2 loại: Bảo hiểm sinh mạng có thời hạn xác định (BH tử kỳ) và bảo hiểm sinh mạng vô thời hạn (BH trường sinh, BH trọn đời).

+ BHNT hỗn hợp :người được bảo hiểm được chi trả tiền bảo hiểm cả khi còn sống lẫn khi bị chết . Đây là loại hình bảo hiểm chứa đựng cả yếu tố rủi ro và tiết kiệm đan xen nhau .

- Đối tượng : tất cả công dân Việt Nam, người nước ngoài đang công tác, học tập ở Việt Nam

- Ý nghĩa:

+ BHNT bảo vệ (về phương diện tài chính) cho bạn và gia đình: ví dụ nếu bạn đang tuổi lao động mà bị mất khả năng lao động vậy thì làm thế nào để sống, để nuôi vợ con, trả nợ mua xe, mua nhà..

+ Bảo vệ kế hoạch cho tương lai: ví dụ bạn muốn mua nhà mua xe , nhưng do không có đủ tiền ngay một lúc nên bạn tính đến tiết kiệm gửi ngân hàng để mua trong 10 năm nữa. Câu hỏi đặt ra là: Nếu tiếp tục gửi ngân hàng theo số tiết kiệm hàng tháng thì lúc gặp nạn (gặp tai nạn, chữa bệnh..) lấy thu nhập gì mà đảm bảo kế hoạch đó?

+ Đầu tư: Sản phẩm liên kết đơn vị hay liên kết chung ngoài bảo vệ còn cho phép bạn được hưởng mức lãi suất cao hoặc cho phép bạn có khả năng mua bán các chứng chỉ quỹ trên thị trường chứng khoán niêm yết để kiếm lời như chứng khoán.

+ Kế hoạch nghỉ hưu: Bổ sung cho một khoản hưu trí hàng tháng, hàng năm mà bạn nhận được từ bảo hiểm xã hội khi về hưu. Sản phẩm này rất phổ biến ở các nước phát triển.

+ Chi trả viện phí trong trường hợp bạn gặp rủi ro phải nằm viện hay phẫu thuật .

B. Các nghiệp vụ thương mại chủ yếu ở Việt Nam:

Trong xu thế hội nhập và phát triển, thị trường bảo hiểm thương mại ở Việt Nam cực kì phát triển, có đến hơn 50 loại bảo hiểm với các nhóm:

1, Nhóm sản phẩm Bảo hiểm Tài sản:

- Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt (FIRE)
- Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (PAR)
- Bảo hiểm mọi rủi ro công nghiệp (IAR)
- Bảo hiểm hỏa hoạn nhà tư nhân
- Bảo hiểm tiền (MN)
- Bảo hiểm trộm cướp (THI)
- Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh sau mọi rủi ro tài sản
- Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh sau hỏa hoạn và rủi ro đặc biệt
- Bảo hiểm mọi rủi ro văn phòng

2, Nhóm sản phẩm Bảo hiểm Kỹ thuật:

- Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng (CAR)
- Bảo hiểm mọi rủi ro lắp đặt (EAR)
- Bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu (CPM)
- Bảo hiểm đồ vỡ máy móc (MB)
- Bảo hiểm thiết bị điện tử (EEI)
- Bảo hiểm nồi hơi (NH)
- Bảo hiểm công trình kỹ thuật dân dụng hoàn thành (CDD)

3, Nhóm sản phẩm Bảo hiểm Trách nhiệm:

- Bảo hiểm trách nhiệm công cộng

- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp
- Bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm và trách nhiệm công cộng
- Bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm và trách nhiệm công cộng diện rộng
- Bảo hiểm trách nhiệm cá nhân
- Bảo hiểm trách nhiệm của người sử dụng lao động
- Bảo hiểm trách nhiệm công ty chứng nhân
- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp bác sỹ
- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp luật sư
- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn thiết kế
- Bảo hiểm trách nhiệm đối với bên thứ ba

4, Nhóm sản phẩm bảo hiểm tai nạn

- Bảo hiểm tai nạn con người 24/24
- Bảo hiểm tai nạn con người trên 10.000USD
- Bảo hiểm tai nạn lao động thuyền viên
- Bảo hiểm tai nạn người sử dụng điện

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

5, Bảo hiểm sinh mạng

- Bảo hiểm sinh mạng cá nhân
- Bảo hiểm sinh mạng người vay tín chấp

6, Nhóm bảo hiểm học sinh, giáo viên

- Bảo hiểm học sinh, sinh viên
- Bảo hiểm giáo viên
- Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho học sinh

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

7, Nhóm bảo hiểm tai nạn hành khách

- Bảo hiểm tai nạn hành khách đường sắt
- Bảo hiểm tai nạn hành khách đường sông
- Bảo hiểm tai nạn hành khách đường không
- Bảo hiểm tai nạn hành khách đường bộ

8, Nhóm bảo hiểm du lịch

- Bảo hiểm người Việt Nam du lịch trong nước
- Bảo hiểm người nước ngoài du lịch tại Việt Nam
- Bảo hiểm người Việt Nam du lịch tại nước ngoài
- Bảo hiểm du lịch nước ngoài ngắn hạn
- Bảo hiểm y tế cho chủ thẻ tín dụng
- Bảo hiểm bảo an công chức

9, Bảo hiểm Mô tô – Xe máy

- Bảo hiểm TNDS bắt buộc mô tô - xe máy
- Bảo hiểm TNDS tự nguyện mô tô - xe máy
- Bảo hiểm vật chất mô tô - xe máy
- Bảo hiểm tai nạn người ngồi trên xe và lái xe

10, Bảo hiểm Xe Ô tô

- Bảo hiểm TNDS bắt buộc xe ô tô
- Bảo hiểm TNDS tự nguyện xe ô tô
- Bảo hiểm vật chất xe ô tô
- Bảo hiểm tai nạn lái phụ và người ngồi trên xe ô tô
- Bảo hiểm TNDS đối với hàng hoá trên xe ô tô

11, Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển

- Hàng xuất khẩu
- Hàng nhập khẩu
- Hàng vận chuyển nội địa

12, Nhóm bảo hiểm tàu thuyền

- Bảo hiểm thân tàu
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự
- Bảo hiểm đóng tàu
- Bảo hiểm rủi ro ở cảng

13, Nhóm sản phẩm mới

- Bảo hiểm tín dụng hộ sản xuất nông nghiệp

14, Nhóm loại hình bảo hiểm khác

- Bảo hiểm con người kết hợp mức trách nhiệm cao
- Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện

Dưới đây là tổng hợp 17 loại sản phẩm bảo hiểm được quy định bởi các văn bản pháp luật hiện hành và đang áp dụng trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam :

STT	Loại bảo hiểm	Quy định pháp luật tương ứng	Ngày áp dụng
Nhóm bảo hiểm TNNN			
1	Bảo hiểm TNNN cho công ty môi giới bảo hiểm	Điều 8 Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000	1/4/2001
2	Bảo hiểm TNNN cho luật sư	Điều 40 Luật Luật sư	1/1/2007
3	Bảo hiểm TNNN cho công ty chứng khoán	Điều 71 Luật Chứng khoán	1/1/2007
4	Bảo hiểm TNNN cho công ty quản lý quỹ	Điều 72 Luật Chứng khoán	1/1/2007
5	Bảo hiểm TNNN của Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình	Điều 58/Luật Xây dựng;	1/7/2004
6	Bảo hiểm TNNN của Nhà thầu giám sát thi công công trình xây dựng	Điều 90/Luật Xây dựng;	1/7/2004
7	Bảo hiểm TNNN cho công ty kiểm toán	Điều 25 Nghị định 105/2004/NĐ-CP về kiểm	30/3/2004

		toán độc lập	
8	Bảo hiểm TNNN cho doanh nghiệp thẩm định giá	Điều 11 Nghị định 111/2005/NĐ-CP về thẩm định giá	3/8/2005
Bảo hiểm xây dựng			
9	Bảo hiểm công trình của Chủ đầu tư xây dựng công trình trong việc thi công công trình	Điều 75 Luật Xây dựng;	1/7/2004
10	Bảo hiểm công trình của Bên mời thầu	Điều 104 Luật Xây dựng;	1/7/2004
Bảo hiểm cháy nổ			
11	Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc	Nghị định 130/2006/NĐ-CP về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc	8/11/2006
Vận tải đường đường thuỷ			
12	Tàu biển chuyên dùng để vận chuyển dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hoá nguy hiểm khác bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu về ô nhiễm môi trường khi hoạt động trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.	Điều 28 Bộ Luật Hàng hải	1/1/2006
Bảo hiểm hàng không			
13	Người vận chuyển phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi	Điều 163 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam	1/1/2007

	thường thiệt hại đối với tính mạng, sức khoẻ của hành khách, việc mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hàng hoá, hành lý và do vận chuyển chậm.		
14	Người khai thác tàu bay phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với người thứ ba ở mặt đất.	Điều 176 Luật hàng không dân dụng Việt Nam	1/1/2007
Bảo hiểm xe cơ giới			
15	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới	Nghị định 115/CP về chế độ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới	17/12/1997
Bảo hiểm Du lịch			
16	Doanh nghiệp du lịch kinh doanh lữ hành quốc tế phải mua bảo hiểm du lịch cho khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài trong thời gian thực hiện chương trình du lịch;	Điều 50 Luật Du lịch	1/1/2006

Số lượng các loại hình Bảo hiểm Thương mại ở Việt Nam sở hữu đa dạng ở cả bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ, thuộc cả 3 lĩnh vực: bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm dân sự

1, Bảo hiểm nhân thọ

1.1. Sự hình thành và phát triển của Bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam:

Bắt đầu từ năm 1986 Việt Nam đã chính thức thực hiện chính sách “Đổi mới”, với trọng tâm là chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Chính sách đổi mới đã thực sự có tác động tích cực đối với toàn bộ đời

sống kinh tế – xã hội của đất nước, đem lại sự ổn định và tăng trưởng kinh tế cao, đời sống người dân được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm trong 10 năm qua đạt trên 7% và trong năm 2007 đạt 8,5%; thu nhập bình quân theo đầu người tăng từ 423 đô la Mỹ năm 2001 lên 835 đô la Mỹ năm 2007; lạm phát được kiểm chế và kiểm soát; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58,1% năm 1993 xuống còn 32% năm 2000 và còn 14,7% vào năm 2007. Tăng trưởng kinh tế cùng với việc xoá bỏ dần cơ chế bao cấp đã thúc đẩy nhu cầu và sự ra đời của thị trường bảo hiểm nhân thọ của người dân Việt Nam.

Năm 1996 đánh dấu sự ra đời của ngành bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam bằng việc Bộ Tài chính cho phép Bảo Việt triển khai thí điểm bảo hiểm nhân thọ. Đáp lại yêu cầu của quá trình mở cửa và hội nhập cũng như yêu cầu phát triển của bản thân ngành bảo hiểm nhân thọ. Sau thời gian thí điểm, Bộ Tài chính đã lần lượt cấp giấy phép hoạt động cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ nước ngoài (trong năm 1999 cấp giấy phép cho 3 doanh nghiệp là Prudential, Manulife, Bảo Minh – CMG – nay là Daiichi Life), sau đó là AIA (năm 2000), Prevoir, ACE Life, Great Eastern Life và Cathay Life. Đến nay trên thị trường đã có 09 doanh nghiệp hoạt động và theo dự báo sẽ có thêm nhiều doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được cấp giấy phép hoạt động trong thời gian tới.

Với sự gia nhập của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ nước ngoài, thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ cả về quy mô, sản phẩm, chất lượng dịch vụ và tính chuyên nghiệp. Có thể kể ra những con số và thông tin đáng chú ý sau:

Về khai thác mới: nếu như năm 1996 doanh thu phí khai thác mới của toàn thị trường chưa đầy 1 tỷ đồng thì đến năm 2003 con số này là 2.050 tỷ đồng (bằng 0,61% GDP) và năm 2007 ước đạt 1.815 tỷ đồng (bằng 0,16 % GDP). Xin lưu ý, trong giai đoạn từ 2004 đến 2006, thị trường bước vào giai đoạn suy giảm và đã có dấu hiệu hồi phục từ năm 2007.

Tổng doanh thu phí bảo hiểm: năm 2003 tổng doanh thu phí của toàn thị trường đạt 6.442 tỷ đồng (bằng 1,92% GDP) và năm 2007 đạt 9.485 tỷ đồng (bằng 2,06% GDP). Chính từ nguồn phí bảo hiểm này, ngành bảo hiểm nhân thọ đã cung cấp một lượng vốn lớn cho nền kinh tế.

Tổng số hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực đến cuối năm 2007: 3.834 nghìn hợp đồng chính (bằng khoảng 4,5% dân số).

Về kênh phân phối đại lý: thị trường đã tạo việc làm cho nhiều người lao động. Tổng số đại lý tại cuối năm 2007 là 70.000 người.

Về sản phẩm: Đến nay, thị trường đã cung cấp cho công chúng hầu hết các dòng sản phẩm từ sản phẩm truyền thống đến bảo hiểm liên kết chung (universal life) và gần đây là bảo hiểm liên kết đơn vị (unit linked).

Sự phát triển của thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam cũng là một nhân tố thúc đẩy sự hình thành và phát triển của khung pháp lý cho thị trường bảo hiểm nói chung và bảo hiểm nhân thọ nói riêng, đánh dấu bằng sự ra đời của Luật kinh doanh bảo hiểm đầu tiên của Việt Nam vào năm 2000.

a). Thực trạng/Đặc điểm

Về sản phẩm: đến nay sản phẩm chủ yếu của thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam vẫn là các sản phẩm hỗn hợp truyền thống với 73% doanh thu khai thác mới và 87% số lượng hợp đồng chính có hiệu lực tại cuối năm 2007. Tỷ trọng này đã giảm trong thời gian qua với sự gia tăng của các sản phẩm mang tính bảo vệ và sản phẩm phi truyền thống. Sản phẩm liên kết chung (universal life) đã được đưa ra thị trường trong thời gian gần đây và thu được những kết quả đáng chú ý. Từ đầu năm 2008 sản phẩm liên kết đơn vị (unit linked) cũng đã được đưa ra thị trường. Các sản phẩm bancassurance cũng đã lần lượt được đưa ra thị trường trong mấy năm gần đây.

Về kênh phân phối: Kênh phân phối qua đại lý đến nay đây vẫn là kênh phân phối chính, đóng góp khoảng 99% doanh thu khai thác mới. Đáng chú ý, sau một giai đoạn phát triển “nóng” về số lượng đại lý với hệ quả là “vào nhanh, ra nhanh”, trong thời gian gần đây các doanh nghiệp đã chú trọng đến chất lượng và tính chuyên nghiệp của nghề đại lý bảo hiểm. Tại cuối năm 2004, toàn thị trường có gần 100.000 đại lý hoạt động thì đến cuối năm 2007 con số này chỉ là gần 70.000 đại lý hoạt động. Bên cạnh kênh phân phối qua đại lý, các doanh nghiệp đã bắt đầu sử dụng thêm kênh bancassurance nhưng đến nay kết quả của kênh phân phối này vẫn còn rất khiêm tốn (với dưới 1% doanh thu khai thác mới).

Năng lực tài chính: Nhằm nâng cao năng lực tài chính của các doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã có quy định nâng mức vốn pháp định của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ từ 400 tỷ lên 600 tỷ đồng. Đối với các doanh nghiệp được phép triển khai bảo hiểm liên kết đơn vị thì yêu cầu về mức vốn điều lệ đã góp phải cao hơn mức vốn pháp định từ 200 tỷ đồng trở lên.

b). Những thách thức:

Đến nay thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam vẫn còn rất nhỏ bé và vẫn đang trong giai đoạn hình thành. Bên cạnh đó, thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam cũng đang gặp phải một số thách thức đối với sự phát triển bền vững của mình, có thể kể:

Thứ nhất, lạm phát. Trong năm 2007 tỷ lệ lạm phát của Việt Nam là 12,6% và dự báo trong năm 2008 tỷ lệ này còn cao hơn, làm cho chúng ta nhớ đến tình trạng lạm phát trong những năm đầu bảo hiểm nhân thọ được triển khai. Lạm phát cao kéo theo hệ quả là làm giảm niềm tin của công chúng đối với các khoản đầu tư dài hạn, các hợp đồng bảo hiểm dài hạn đồng thời làm cho lãi suất ngắn hạn tăng lên cao (như lãi suất tiết kiệm ngân hàng), tạo ra sự cạnh tranh lớn đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

Thứ hai, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính (như ngân hàng, chứng khoán và các tổ chức tài chính) và các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ trong việc thu hút tiền vốn nhân rồi trong dân chúng ngày càng gay gắt. Các ngân hàng đã đưa ra những sản phẩm có tính cạnh tranh cao đối với các sản phẩm bảo hiểm như tiết kiệm gửi định kỳ, tiết kiệm lãi suất bậc thang, tiết kiệm với thời hạn dài kèm theo các hình thức khuyến mại như tặng bảo hiểm, rút thăm trúng thưởng và nhiều ưu đãi liên quan khác. Theo đánh giá chung, sự cạnh tranh của các tổ chức tài chính là một trong những nguyên nhân chính gây ra sự suy giảm của thị trường bảo hiểm nhân thọ trong giai đoạn 2004-2006.

Thứ ba, môi trường luật pháp điều chỉnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm mặc dù đã được quan tâm xây dựng nhưng đến nay vẫn chưa theo kịp sự phát triển của ngành, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Điều vui mừng là việc sửa đổi Luật kinh doanh bảo hiểm đã được đưa vào chương trình nghị sự của Quốc hội trong năm 2010.

Thứ tư, nhận thức và hiểu biết của thị trường cũng như của các cơ quan nhà nước nói chung về bảo hiểm nhân thọ vẫn chưa cao, gây khó khăn cho hoạt động của ngành. Đặc biệt, đến nay đại lý bảo hiểm nhân thọ chưa nhận được sự đánh giá cao của công chúng và chưa được chính thức thừa nhận như một nghề nghiệp chuyên nghiệp.

Thứ năm, hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ gặp không ít khó khăn do thị trường tài chính của Việt Nam chưa phát triển đầy đủ. Hiện có tới 90% nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ chỉ dành đầu tư vào trái phiếu chính phủ và gửi ngân hàng thương mại. Vì thế hiệu quả đầu tư thấp và bảo tức cho người tham gia bảo hiểm vẫn chưa cao.

Bên cạnh những thách thức trên, những hệ quả của giai đoạn phát triển “nóng” cũng là những vấn đề mà ngành bảo hiểm nhân thọ cần phải giải quyết, vượt qua.

2.2. Triển vọng của thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam

Mặc dù có những khó khăn, thách thức như nêu trên, nhưng thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam cũng đứng trước những cơ hội phát triển rất lớn.

Về dân số và nhu cầu đào tạo: Hiện nay dân số Việt Nam là 85 triệu người—đứng hàng thứ 13 trên thế giới, với mức tăng hàng năm khoảng 1 triệu người (số liệu năm 2008). Điểm đáng chú ý, Việt Nam có cơ cấu dân số trẻ với 52 triệu người trong độ tuổi lao động, chiếm hơn 60% tổng dân số; tuổi thọ trung bình không ngừng được cải thiện (từ 50 tuổi trong những năm 1960 tăng lên 72 tuổi vào năm 2005). Với dân số trẻ cùng với truyền thống hiếu học cộng với yêu cầu rất lớn về nguồn nhân lực có trình độ cao sau khi Việt Nam hội nhập vào kinh tế thế giới, dẫn đến nhu cầu đào tạo của Việt Nam ngày càng cao, đặc biệt là nhu cầu đào tạo chất lượng cao cả ở trong và ngoài nước kéo theo yêu cầu tài chính cho đào tạo ngày càng lớn.

Phát triển kinh tế: Từ khi thực hiện chính sách “đổi mới”, nền kinh tế Việt Nam đã có sự tiến bộ vượt bậc và theo dự đoán Việt Nam tiếp tục đạt được tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao trong thời gian tới (dự báo trên 7%/năm); đời sống người dân được cải thiện rõ rệt. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới năm 2010 GDP/người sẽ đạt 1.000 USD, và hơn thế nữa, người Việt Nam có truyền thống tiết kiệm và có mức tiết kiệm/thu nhập vào hàng cao nhất thế giới. Đáng chú ý, sự phát triển kinh tế đã làm cho tầng lớp trung lưu ngày càng đông đảo, tạo ra nhu cầu cao về bảo hiểm nhân thọ

Nhu cầu hoạch định kế hoạch tài chính và độc lập tài chính ngày càng cao hơn. Theo đà phát triển kinh tế – xã hội và sự hình thành gia đình hạt nhân (bố mẹ và con), làm cho nhu cầu hoạch định tài chính và nhu cầu độc lập tài chính ngày càng cao, nhằm tạo lập một cuộc sống ổn định, tự chủ và có mức hưởng thụ cao.

Ngành bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam đang phát triển mạnh với tốc độ tăng trưởng cao. Tổng số bảo phí toàn ngành đạt 13.792 tỷ đồng trong năm 2010, tăng 33% so với 10.395 tỷ đồng phí bảo hiểm của năm 2008. Báo cáo về giá trị tương lai của thị trường bảo hiểm Việt Nam (do tạp chí Business Monitor International phát hành) dự báo ngành bảo hiểm sẽ tăng lên nhanh chóng và đạt 58.451 tỷ đồng (gần 3 tỷ USD) vào năm 2014.

Tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ năm 2010 đạt 13.589 tỷ đồng tăng 14,8% so với năm 2009.

Thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng có hiệu lực của các doanh nghiệp về cơ bản không khác biệt nhiều so với năm 2009, cụ thể như sau: Prudential 40,0%, Bảo Việt Nhân thọ 29,0%, Manulife 10,4%, AIA 7,1%, Dai-ichi 7,0%, ACE 5,4%, Cathay 0,7%, Korea Life 0,6%, Prevoir và Great Eastern và VCLI chiếm thị phần nhỏ, không đáng kể.

Tổng số tiền đầu tư đạt khoảng 57.487 tỷ đồng trong năm 2010, tăng trưởng 21,0% so với cùng kỳ năm 2009; thu nhập hoạt động đầu tư ước đạt 5.383 tỷ đồng. Cơ cấu đầu tư của các DNBH nhân thọ mang tính an toàn với tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu chính phủ là 41,1%; gửi tiền ngân hàng là 18,9%; uỷ thác đầu tư là 27,0%, đầu tư có tính rủi ro cao như cổ phiếu, góp vốn chiếm tỷ trọng nhỏ với 12,8%.

(irt.mof.gov.vn)

2, Bảo hiểm phi nhân thọ

Thống kê của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam cho thấy, nếu như năm 1999, thị trường này mới chỉ có 20 sản phẩm bảo hiểm thì đến nay, khối bảo hiểm phi nhân thọ đã có 600 sản phẩm do doanh nghiệp bảo hiểm đăng ký với Bộ Tài chính.

Theo các chuyên gia, tiềm năng của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam còn rất lớn mà chưa khai thác được. Nhiều lĩnh vực bảo hiểm hầu như bỏ trống như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm thiệt hại kinh doanh, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thậm chí với loại bảo hiểm bắt buộc như trách nhiệm dân sự chủ xe mô tô, tỷ lệ tham gia bảo hiểm chỉ chiếm chưa đến 30%...

Doanh thu phí bảo hiểm của Việt Nam chỉ mới chiếm khoảng 2,5% GDP (thấp hơn nhiều so với một số nước trong khu vực và các nước có nền kinh tế phát triển).

Năm 2011, bảo hiểm phi nhân thọ đạt doanh thu 21.500 tỉ đồng, tốc độ có giảm chút ít so với năm 2010 do ảnh hưởng của thắt chặt tín dụng và nợ công, đạt tăng trưởng 18,6% so với năm 2010. Ước bồi thường toàn thị trường là 8.132 tỉ đồng, tỉ lệ bồi thường là 40% cao hơn so với năm 2010 (35,4%). Ngoài kết quả đạt được từ sự tăng trưởng trong những con số, một điều quan trọng và cần phải nhắc tới chính là năng lực của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ (DNBH PNT) Việt Nam.

Theo số liệu thống kê, hiện có 10 DNBH PNT có vốn đầu tư nước ngoài, tỉ trọng nguồn vốn đầu tư trở lại nền kinh tế của khối doanh nghiệp tăng gấp 2, tỉ trọng bồi thường và trả tiền bảo hiểm tăng gấp 3, thị phần trong bảo hiểm phi nhân thọ tăng từ 5% lên khoảng 15% có thể nói các DNBH có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp ngày càng quan trọng vào sự phát triển của thị trường bảo hiểm.

Năm 2012, tình hình đầu tư và các hoạt động kinh tế còn trì trệ được nhận định sẽ vẫn ảnh hưởng tiêu cực tới lĩnh vực bảo hiểm tài sản cho các công trình lớn, bảo hiểm xuất nhập khẩu, bảo hiểm hàng hải. Tuy nhiên, theo dự báo của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (AVI), trong năm 2012, khối bảo hiểm phi nhân thọ sẽ tăng trưởng với tốc độ 28%, doanh thu ước đạt 27.500 tỷ đồng.

III. Các doanh nghiệp bảo hiểm thương mại hiện nay ở Việt Nam

Tính đến hết tháng 6 năm 2010, ở Việt Nam có khoảng 50 doanh nghiệp BHTM hoạt động, trong đó có khoảng 27 DNBH phi nhân thọ, 11 DNBH nhân thọ, 10 DN môi giới bảo hiểm và 1 DN tái bảo hiểm. Trên thị trường bảo hiểm đã có một số doanh nghiệp vốn lớn, song cũng có những doanh nghiệp nhỏ, tiềm lực tài chính thấp. Để mở rộng và phát triển thị trường bảo hiểm, bản thân các doanh nghiệp đang ngày càng đa dạng hóa các sản phẩm, xem xét phát triển thêm các kênh bán hàng khác bên cạnh kênh truyền thống là đại lý, nghiên cứu đưa ra các sản phẩm mới như bancassurance, bảo hiểm liên kết đầu tư. Vừa qua, nhiều doanh nghiệp đã thành lập công ty quản lý quỹ nhằm quản lý phần vốn nhận rồi từ hoạt động bảo hiểm nhân thọ để đầu tư vào thị trường chứng khoán, coi đây là cơ hội tốt để sử dụng vốn hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn tiềm ẩn những rủi ro mà các DN cần có hướng giải quyết phù hợp.

- *Một số doanh nghiệp BHTM lớn ở Việt Nam hiện nay:*

Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) - thành viên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập năm 1996. Thực hiện kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm, tiến hành hoạt động đầu tư và các hoạt động khác liên quan đến bảo hiểm.

Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm AAA - Bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm và đầu tư.

Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO) - Lĩnh vực kinh doanh: giao thông vận tải, xây dựng và lắp đặt công trình, xăng dầu, hàng hóa xuất nhập khẩu, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm con người và bảo hiểm tàu thủy.

Công ty cổ phần bảo hiểm Nhà Rồng - Kinh doanh các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ; Kinh doanh tái bảo hiểm.

Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Viễn Đông VASS - Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ - Nhận và nhượng tái bảo hiểm các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ - Đầu tư và kinh doanh các lĩnh vực khác.

Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Minh - Lĩnh vực kinh doanh: bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính. Kinh doanh bảo hiểm trực tiếp và kinh doanh tái bảo hiểm. Các dịch vụ liên quan như giám định, điều tra tính toán, phân bổ tổn thất, đại lý giám định, đại lý giải quyết bồi thường của bên thứ ba.

Công ty Liên Doanh Bảo Hiểm Quốc Tế Việt Nam (VIA) - Là công ty liên doanh trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản giữa Bảo Việt (Tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu ở Việt Nam) và Tokio Marine & Nichido Fire (Tập đoàn bảo hiểm hàng đầu Nhật Bản).

Prudential Việt Nam - Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

Tập đoàn Bảo Việt - Kinh doanh cả 2 loại hình bảo hiểm nhân thọ và phi nhân Thọ

Ngoài ra còn có Cty cổ phần BH Bưu điện, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Phú Hưng, Công ty cổ phần bảo hiểm Quân đội (MIC), Công ty Liên doanh TNHH Bảo hiểm Samsung-Vina, Cty cổ phần BH Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam,...

PRUDENTIAL VIỆT NAM

1, Trọng tâm hoạt động

Nhằm bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả và những tác động tích cực, các hoạt động xã hội cộng đồng và từ thiện của Prudential Việt Nam, hoạt động của Quỹ Prudence tập trung vào 3 lĩnh vực chủ yếu sau:

- Hoạt động giáo dục: Học bổng; giải thưởng giáo dục; Đào tạo; hỗ trợ thiết bị giáo dục

- **Sống khỏe:** Khám phát thuốc, tặng thẻ bảo hiểm, hoạt động thể thao, tài trợ thiết bị y tế, mổ mắt/tim, trồng cây, làm sạch môi trường...
- **Hỗ trợ cộng đồng:** Tặng quà, cứu trợ thiên tai, nhà tình nghĩa.

2, Các nghiệp vụ bảo hiểm:

*** Bảo hiểm Bảo vệ - Prudential Việt Nam**

Bảo hiểm Nhân thọ trọn đời

- Phú-Trường An ▶

Bệnh hiểm nghèo

- Phú-An Bình ▶
- Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo ▶
- Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo trả trước ▶
- Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng ▶

Chăm sóc sức khỏe

- Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện ▶
- Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe ▶
- Bảo hiểm Sức khỏe dành cho trẻ em ▶

Chết & Thương tật toàn bộ vĩnh viễn

- Bảo hiểm Nhân thọ có kỳ hạn - Bảo hiểm Nhân thọ có kỳ hạn dành cho trẻ em ▶

Hỗ trợ tài chính

- Bảo hiểm Hỗ trợ tài chính Người hôn phối ▶
- Bảo hiểm Hỗ trợ tài chính Người phụ thuộc ▶
- Bảo hiểm Từ bỏ thu phí ▶
- Bảo hiểm Từ bỏ thu phí Bệnh hiểm nghèo ▶
- Bảo hiểm Từ bỏ thu phí Bệnh lý nghiêm trọng ▶

- Bảo hiểm Từ bỏ thu phí Người hôn phối ▶

Tai nạn

- Bảo hiểm Chết do tai nạn ▶
- Bảo hiểm Chết và Tàn tật do tai nạn mở rộng ▶

Bảo hiểm Tiết kiệm - Prudential Việt Nam

Định kỳ

- Phú-An Gia Tích Lũy Định Kỳ ▶

Học hành cho con cái

- Phú-An Gia Thành Tài ▶

Hưu Trí

- Phú-An Khang hưu Trí ▶

Ngắn hạn

- Phú-Hưng Thịnh ▶

Bảo hiểm Đầu tư - Prudential Việt Nam

Đầu tư

- Phú-Bảo Gia Đầu Tư ▶
- Phú-Toàn Gia An Phúc ▶

Bảo hiểm khác

Bảo hiểm cho Doanh nghiệp

- Phú-Bảo Nghiệp ▶

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT:

1965: kinh doanh BH phi nhân thọ

1989: thành tổng công ty bảo hiểm

1996; lần đầu tiên cung cấp bảo hiểm nhân thọ tại VN

Bảo hiểm phi nhân thọ

- Bảo hiểm Du lịch
- Bảo hiểm sức khỏe Medical Care
- Bảo hiểm An toàn Cá nhân
- Bảo Hiểm Xe Ô Tô
- Bảo Hiểm Nhà

Bảo hiểm nhân thọ

- Bảo hiểm Sinh mạng có thời hạn
- Bảo Hiểm An Gia Tài Lộc

PJICO:

Hiện nay, PJICO đã triển khai hơn 80 sản phẩm bảo hiểm và chiếm lĩnh thị trường trong nhiều lĩnh vực như: Giao thông vận tải, xây dựng và lắp đặt công trình, xăng dầu, hàng hóa xuất nhập khẩu, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm con người và bảo hiểm tàu thủy.

Các nghiệp vụ bảo hiểm chính:

1. Bảo hiểm xe cơ giới
2. Bảo hiểm con người
3. Bảo hiểm hàng hóa
4. Bảo hiểm tàu thủy
5. Bảo hiểm tài sản và trách nhiệm
6. Bảo hiểm kỹ thuật
7. Bảo hiểm khác

Nghiệp vụ bảo hiểm gián đoạn kinh doanh (10-11-2007)

Nghiệp vụ bảo hiểm thiết bị điện tử (10-11-2007)

Nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa (10-11-2007)

Nghiệp vụ bảo hiểm tàu, thuyền (10-11-2007)

Nghiệp vụ bảo hiểm xây dựng lắp đặt (10-11-2007)

Nghiệp vụ bảo hiểm cháy nổ (10-11-2007)

PVI

1. Bảo hiểm Dầu khí

PVI hiện là công ty bảo hiểm duy nhất ở Việt Nam cung cấp dịch vụ bảo hiểm Dầu khí. Từ năm 2002 đến nay, PVI duy trì 100% thị phần bảo hiểm và cung cấp dịch vụ bảo hiểm không chỉ cho 100% các nhà thầu dầu khí mà trên 90% các nhà thầu phụ dầu khí hoạt động tại Việt Nam

PVI sẵn sàng cung cấp tất cả các sản phẩm bảo hiểm dầu khí hiện có trên thị trường như: Bảo hiểm khổng chế giếng, Bảo hiểm trách nhiệm Bên thứ ba, Bảo hiểm Tài sản và thiết bị dầu khí, bảo hiểm xây dựng ngoài khơi, dầu thô trong kho và đang vận chuyển, ... theo tiêu chuẩn quốc tế

2. Bảo hiểm hàng hải

Tận dụng lợi thế là thành viên của PVN đang quản lý và điều hành các đội tàu có tải trọng lớn nhất Việt Nam, năm 2007 PVI tiếp tục tăng trưởng và dẫn đầu thị trường trong lĩnh vực bảo hiểm Thân tàu và Trách nhiệm dân sự chủ tàu. Ngoài PVN, PVI còn cung cấp bảo hiểm cho các đội tàu lớn của Việt Nam (Vosco, Vitranschart, ...). PVI cung cấp tất cả các sản phẩm bảo hiểm hàng hải như Bảo hiểm thân tàu, trách nhiệm dân sự chủ tàu, Bảo hiểm tai nạn cá nhân cho Thủy thủ đoàn, Bảo hiểm hàng hoá, ...

3. Bảo hiểm Kỹ thuật/ Tài sản

Cùng với sự phát triển của các hoạt động khâu sau (downstream), PVI đã cung cấp thành công dịch vụ bảo hiểm cho các dự án giá trị hàng tỷ đô la Mỹ như nhà máy lọc dầu, nhà máy điện, sản xuất phân bón, ... Ngoài ra, PVI còn bảo hiểm cho các dự án và hoạt động của các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam như các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, nhà máy, ... PVI cung cấp tất cả các sản phẩm bảo hiểm kỹ thuật bảo hiểm kỹ thuật bao gồm Bảo hiểm xây dựng lắp đặt trên bờ, ngoài khơi, Bảo hiểm Thiết bị điện tử, Bảo hiểm Đổ vỡ máy móc, Bảo hiểm mọi rủi ro công nghiệp, tài sản và Bảo hiểm Gián đoạn kinh doanh.

4. Bảo hiểm hàng không

Để bắt kịp sự phát triển mạnh mẽ của ngành hàng không trong nước và khu vực cũng như nhu cầu vận chuyển hàng không ngày càng tăng giữa Việt Nam và các nước, PVN và PVI đã đầu tư vào các dự án hàng không như VietAir, Vietjets và ký các thoả thuận mua máy bay với những hãng sản xuất máy bay lớn như Boeing, Airbus. Các dự án này sẽ giúp mở rộng các dịch vụ của hàng không Việt Nam trên thị trường quốc tế và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng không ngày càng tăng.

Trên cơ sở giấy phép kinh doanh được Bộ Tài chính cấp, PVI đã và đang phối hợp với các nhà môi giới bảo hiểm, các nhà đứng đầu bảo hiểm quốc tế để triển khai cung cấp tất cả các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm thân máy bay, bảo hiểm trách nhiệm của người vận chuyển,...

5. Bảo hiểm trách nhiệm

Bảo hiểm trách nhiệm Bên thứ ba

Bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm

Bảo hiểm trách nhiệm của người chủ sử dụng lao động

Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiến trúc sư và các tổ chức tư vấn

...

6. Bảo hiểm con người

Bảo hiểm tai nạn cá nhân

Bảo hiểm sinh mạng cá nhân

Bảo hiểm trợ cấp nằm viện và phẫu thuật

Bảo hiểm con người kết hợp

Bảo hiểm du lịch trong nước

Bảo hiểm người Việt Nam du lịch nước ngoài

Bảo hiểm người nước ngoài du lịch Việt Nam

Bảo hiểm tai nạn cá nhân đối với người nước ngoài

7. Bảo hiểm xe cơ giới

Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba và đối với hành khách trên xe

Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với hàng hoá chở trên xe

Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe cơ giới

Bảo hiểm tai nạn lái phụ xe và người ngồi sau xe máy, người ngồi trên xe ô tô

Bảo hiểm kết hợp xe cơ giới

8. Bảo hiểm con người trách nhiệm cao "PVI Care", "PVI Energy Care"

Nhận thức được vai trò quan trọng của yếu tố con người đối với sự thành công của doanh nghiệp, năm 2007, ngoài các sản phẩm bảo hiểm truyền thống, PVI đã triển khai thành công dịch vụ bảo hiểm con người trách nhiệm cao "PVI Care" và "Energy Golden Care" cho tất cả người lao động làm việc trong và ngoài lĩnh vực dầu khí với phạm vi điều trị toàn cầu đạt tiêu chuẩn quốc tế và được khách hàng đánh giá cao.

9. Bảo hiểm y tế tư nguyên

10. Bảo hiểm chi phí y tế và vận chuyển cấp cứu

11. Bảo hiểm nông nghiệp

12. Bảo hiểm khác

Với tốc độ phát triển nhanh của nền kinh tế, PVI sẵn sàng cung cấp nhiều loại hình sản phẩm mới để đáp ứng các yêu cầu của mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là các công ty chuyển đổi mô hình hoạt động theo công ty đại chúng như D&O Liabilities, Trade Credit, Political Risks,...

BHTM ở Việt Nam hiện nay đã và đang có những thành tựu đáng kể nhưng cũng có nhiều thách thức phải đối mặt, đặc biệt là khi nước ta đã gia nhập WTO. Dịch vụ bảo hiểm là một trong những dịch vụ nói chung và dịch vụ tài chính nói riêng có lộ trình mở cửa hội nhập quốc tế nhanh nhất nhưng chưa được sự quan tâm ủng hộ nhiều của các ngành các cấp, chưa thấy hết được vai trò của ngành bảo hiểm không những bồi thường kịp thời đầy đủ tổn thất do thiên tai, tai nạn, sự cố bất ngờ xảy ra mỗi năm hàng ngàn tỉ đồng mà còn đầu tư vào nền kinh tế (năm 2006 ước trên 31.000 tỉ đồng) thu hút hàng trăm ngàn lao động, nộp ngân sách nhà nước trên 1000 tỉ đồng mỗi năm tương đương với ngân sách địa phương top 10 của cả nước.